

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP NÂNG CAO: CẤU TRÚC IT + BE + ADJECTIVE + TO INFINITIVE

Hệ thống lý thuyết mở rộng, phân tích chuyên sâu & Kho tàng ví dụ đa dạng (B1 - C2)

Mục tiêu: Chuyển đổi cách diễn đạt để nhấn mạnh tính chất của hành động thay vì đối tượng thực hiện, giúp câu văn mang sắc thái khách quan, học thuật và đạt điểm cao trong các kỳ thi học sinh giỏi, đại học cũng như viết luận tiếng Anh chuyên nghiệp (Academic Writing).

1. Hệ thống cấu trúc cơ bản

Cấu trúc 1: Mô tả đối tượng (Focus on Subject)

Dùng để nhận xét trực tiếp về một người hoặc vật thông qua một hành động liên quan phía sau.

S + {be} + {Adj} + {to-infinitive}

Ví dụ 1: He is **nice to talk to**. (Anh ấy thật dễ mến để trò chuyện cùng).

Ví dụ 2: This chair is **uncomfortable to sit on**. (Chiếc ghế này thật không thoải mái để ngồi lên).

Ví dụ 3: English is **easy to learn**. (Tiếng Anh rất dễ học).

Cấu trúc 2: Chủ ngữ giả "It" (Focus on Action)

Dùng đại từ giả **It** để đưa ra lời nhận xét chung về tính chất của hành động. Cách này mang lại sắc thái khách quan, trang trọng và chuyên nghiệp hơn.

It + {be} + {Adj} + {to-infinitive} (+ Object) hoặc It + {be} + {Adj} + for someone + {to-infinitive}

Ví dụ 1: It is **nice to talk to** him. (Thật tuyệt vời khi được trò chuyện với anh ấy).

Ví dụ 2: It is **difficult for me to solve** this problem. (Thật khó đối với tôi để giải quyết bài toán này).

Ví dụ 3: It is **dangerous to swim** in this deep river. (Thật nguy hiểm khi bơi ở dòng sông sâu này).

2. Bảng tổng hợp các cặp tính từ phổ biến và kho tàng ví dụ minh họa mở rộng

Dưới đây là hệ thống các nhóm tính từ thường gặp nhất, được phân loại theo ngữ cảnh kèm theo các ví dụ thực tế đạt chuẩn B1 - C2:

Nhóm tính từ	Từ vựng tiêu biểu	Ví dụ minh họa chi tiết
1. Dễ / Khó (Ease & Difficulty)	Easy, difficult, hard, impossible, effortless, challenging, tricky	• <i>It's difficult to solve this problem.</i> (Thật khó để giải quyết vấn đề này) • <i>It is nearly impossible to predict the market trend.</i> (Gần như không thể dự đoán xu hướng thị trường) • <i>It's challenging to master a foreign language in a short time.</i> (Thật là thách thức để thành thạo ngoại ngữ trong thời gian ngắn) • <i>It is effortless to use this modern app.</i> (Thật dễ dàng để sử dụng ứng dụng hiện đại này)
2. Cảm xúc & Thái độ (Emotion & Attitude)	Nice, pleasant, delightful, amazing, wonderful, frustrating, disappointing	• <i>It's amazing to work with you.</i> (Thật tuyệt vời khi được làm việc với bạn) • <i>It is frustrating to wait in long queues.</i> (Thật bức bối khi phải xếp hàng dài) • <i>It feels delightful to receive such warm support.</i> (Thật vui mừng khi nhận được sự hỗ trợ nồng nhiệt) • <i>It is disappointing to miss out on this opportunity.</i> (Thật đáng tiếc khi bỏ lỡ cơ hội này)
3. Đánh giá & Quan trọng (Evaluation & Necessity)	Important, necessary, vital, essential, crucial, imperative	• <i>It's vital to follow the security rules.</i> (Việc tuân thủ các quy tắc an toàn là tối quan trọng) • <i>It is crucial to submit the report on time.</i> (Việc nộp báo cáo đúng hạn là cực kỳ quan trọng) • <i>It's imperative to protect endangered species.</i> (Bắt buộc phải bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng) • <i>It is necessary for students to revise grammar regularly.</i> (Học sinh cần ôn tập ngữ pháp thường xuyên)
4. Nguy hiểm & An toàn (Danger & Safety)	Dangerous, safe, risky, hazardous, secure	• <i>It's dangerous to swim here.</i> (Thật nguy hiểm khi bơi ở đây) • <i>It is risky to invest all your money in one project.</i> (Thật rủi ro khi đầu tư toàn bộ tiền vào một dự án) • <i>It feels safe to walk in this neighborhood at night.</i> (Cảm giác rất an toàn khi đi bộ ở khu này vào ban đêm) • <i>It is hazardous to drive through heavy fog without lights.</i> (Thật nguy hiểm khi lái xe qua sương mù dày đặc không bật đèn)

Nhóm tính từ	Từ vựng tiêu biểu	Ví dụ minh họa chi tiết
5. Lợi ích & Tiện ích (Benefit & Convenience)	Beneficial, advantageous, convenient, helpful, useful	• <i>It is beneficial to eat fresh vegetables daily.</i> (Thật có lợi khi ăn rau tươi mỗi ngày) • <i>It's convenient to shop online nowadays.</i> (Thật tiện lợi khi mua sắm trực tuyến ngày nay) • <i>It is helpful to take notes during lectures.</i> (Thật hữu ích khi ghi chép trong các bài giảng) • <i>It's advantageous to have work experience before graduating.</i> (Thật có lợi khi có kinh nghiệm làm việc trước khi tốt nghiệp)

3. Lưu ý chuyên nghiệp cho học viên

- **Vị trí của Giới từ:** Trong cấu trúc 1 (Focus on Subject), giới từ (như *to*, *with*, *at*, *on*) bắt buộc phải đứng ở cuối câu. Trong cấu trúc 2 (It + be + Adj + to-infinitive), giới từ đi liền sau động từ và đứng trước tân ngữ trực tiếp.
- **Đối tượng thực hiện (For someone):** Nếu muốn chỉ rõ chính xác ai là người thực hiện hành động trong cấu trúc chủ ngữ giả, ta dùng cấu trúc chèn **for + danh từ/đại từ + to-infinitive**. Ví dụ: *It is essential for students to prepare lessons carefully.*
- **Sắc thái học thuật:** Cấu trúc dùng **It** giúp câu văn trở nên cân đối, khách quan và trang trọng hơn (Academic writing), cực kỳ phù hợp khi viết bài luận tiếng Anh phân tích ở trình độ C1/C2.

Lời nhắn từ Mr. Phong:

"Cấu trúc này là nền tảng cốt lõi để học viên xây dựng các câu luận (Essays) sắc sảo, trôi chảy và đạt điểm số tối đa trong các kỳ thi quan trọng. Hãy luyện tập thường xuyên để sử dụng thành thạo!"

Xin lưu ý: Chương trình tiếng Anh tương tác "**From ZERO to MASTER**" này chạy rất tốt trên các trình duyệt Chrome + FireFox + Cốc Cốc + Opera...

Nhưng không thể chạy được trên chương trình cũ Internet Explorer.

Nếu các bạn có những thắc mắc về ngữ pháp và kỹ thuật cần giải đáp, xin mời liên hệ với **Mr. Lê Đại Phong**.

Phone + Zalo: **0971386608** & Email: **typhoon620@gmail.com** để được hỗ trợ tận tình.

Chúng tôi luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp 12 tại trang: **www.tienganhhaiphong.vn** - **CLICK HERE**